TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 9 - 2024
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Kiều

Bà Đàm Thị Thanh Thuỷ

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Mộc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, về việc: "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1995; địa chỉ: khu Q, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh L, sinh năm 1984; địa chỉ: ….. Hàn Quốc; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về tình cảm: chị Nguyễn Thị Th và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyên, đăng ký kết hôn ngày 03/01/2020 tại Hàn Quốc. Sau khi kết hôn, chị Th và anh L chung sống cùng nhau tại Hàn Quốc từ ngày 20/7/2020 đến tháng 11/2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị Th đã sống ly thân từ đó. Đến ngày 01/8/2023, chị Th về Việt

Nam ở hẳn và không quay lại Hàn Quốc và cũng không liên lạc với anh L. Vì vậy, chị Th đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung, tài sản chung và khoản nợ chung: chị Th xác định không có.

Bị đơn anh L có đơn trình bày về các điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung cơ bản như chị Th trình bày và đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn; con chung, tài sản chung, nợ chung anh L xác nhận không có, đồng thời đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Đơn được hợp pháp hóa lãnh sự của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử, thấy:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật: chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1995; nơi cư trú: khu Q, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh L, sinh năm 1984; quốc tịch: Hàn Quốc (South Korean); Hộ chiếu số M96263670 do Hàn Quốc cấp ngày 01/11/2019; nơi cư trú: , Hàn Quốc, là quan hệ pháp luật: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ Luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th, anh L có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thủy và anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định: khi hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ lời khai cuả nguyên đơn, đơn trình bày của bị đơn, Hội đồng xét xử, thấy: chị Nguyễn Thị Th và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyên, đăng ký kết hôn ngày 03/01/2020 tại Hàn Quốc. Sau khi kết hôn, chị Th và anh L chung sống cùng nhau từ ngày 20/7/2020 đến tháng 11/2020 tại Hàn Quốc thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng tính cách, ngôn ngữ, thường xuyên cãi vã nhau, nên chị Th đã sống ly thân từ

đó. Đến ngày 01/8/2023, chị Th về Việt Nam ở hẳn và không quay lại Hàn Quốc và cũng không liên lạc với anh L. Chị Th và anh L xác định mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho ly hôn. Vì vậy, để kéo dài hôn nhân không có lợi cho hai bên, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Th, xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung, tài sản chung và khoản nợ chung: chị Nguyễn Thị Th và anh L xác nhận không có, nên không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo, kháng nghị: các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 123, khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh L.

Về con chung, tài sản chung và khoản nợ chung: chị Nguyễn Thị Th và anh L xác nhận không có.

2 - Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị Th đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **0005823** ngày 28/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3 - Quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND huyện Hải Hà;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Thắng